

Số: 38/2025/QĐST-HNGĐ

Ngày 05/5/2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hải Bằng

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 181/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2025 về Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 219/2025/QĐMPH-HNGĐ ngày 25/4/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau:

1. Người yêu cầu:

- Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1996; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; hiện ở Nhật Bản.

- Anh **Bùi Ngọc K**, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của chị L: Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu kèm theo, người yêu cầu là chị Đặng Thị L, anh Bùi Ngọc K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/4/2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện T, tỉnh Hải

Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2023 chị L đi Nhật Bản lao động. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc nhưng do mỗi người ở một nơi, không chung sống cùng nhau trong thời gian dài nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Vợ chồng ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị L và anh K nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị L và anh K có 01 con chung là Bùi Ngọc Tuệ L2 sinh ngày 07/10/2016, hiện đang ở cùng bà L1. Chị L và anh K thống nhất anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành; vợ chồng tự thỏa thuận về chi phí cấp dưỡng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh K trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị L và anh K đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Chị L uỷ quyền cho bà Đỗ Thị L1 là người đại diện của chị L trong vụ án.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của chị Đặng Thị L là bà Đỗ Thị L1 trình bày:

Bà L1 là mẹ của chị L. Con của chị L, anh K là cháu Bùi Ngọc T L2 hiện đang ở với bà. Chị L, anh K đang yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì bà L1 đồng ý nhận uỷ quyền của chị L, cam kết thực hiện đúng nội dung uỷ quyền. Việc chị L, anh K thỏa thuận anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L2 đến khi trưởng thành thì bà không có ý kiến gì. Chị L có quan điểm tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc ly hôn. Bà L1 đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình, đề nghị Thẩm phán áp dụng quy định của pháp luật, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Bùi Ngọc K; công nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh K về việc giao con chung Bùi Ngọc Tuệ L2 sinh ngày 07/10/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh K về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung; chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc chịu cả lệ phí giải quyết việc (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị L và anh K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung. Chị L, anh K đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị L hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản của chị L ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài nên công nhận các văn bản này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 367 BLTTDS, Tòa án tiến hành phiên họp giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/4/2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2023 chị L đi lao động ở Nhật Bản, tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Xét thấy chị L và anh K ly thân trong thời gian dài, vợ chồng không liên lạc quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh chị theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh K có 01 con chung là Bùi Ngọc Tuệ L2 sinh ngày 07/10/2016, hiện đang ở cùng mẹ chị L là bà L1. Chị L và anh K thống nhất anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng. Xét thấy nội dung các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con chung nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh K thống nhất không yêu cầu nên cần chấp nhận.

[5] Về lệ phí: Chị L tự nguyện chịu cả lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 2 Điều 367, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Bùi Ngọc K.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Đặng Thị L và anh Bùi Ngọc K về việc giao con chung Bùi Ngọc Tuệ L2 sinh ngày 07/10/2016 cho anh Bùi Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Chị Đặng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Đặng Thị L và anh Bùi Ngọc K về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

4. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị L về việc chị L chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng do bà Đỗ Thị L1 nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 18/4/2025 theo biên lai ký hiệu BLTU/24, số 0001792; chị L đã nộp đủ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng